

## PRESERVING AND PROMOTING THE TRADITIONAL COSTUMES OF ETHNIC MINORITIES IN LINK TO LOCAL TOURISM DEVELOPMENT

Vu Hong Nhi

Ethnographic Film Research and Collection

Vietnam Museum of Ethnology

Email: hongnhivhdg@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-9561-6868>

### Article History

Received: 15/02/2026

Reviewed: 07/4/2026

Revised: 12/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Released: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a107>

### Abstract:

*Culture is always the brand and image of each nation. Vietnam has a rich and distinctive national culture, composed of the cultures of 53 ethnic minority groups. Each ethnic group has its own unique cultural characteristics, manifested in every aspect of material and spiritual life. Traditional clothing, a cultural heritage created over generations, is a message from the past passed down to the present. Traditional clothing of ethnic minorities not only contributes to promoting the image of Vietnam and its people, but has also become an important resource for socio-economic development. However, this type of cultural heritage is fading and facing the risk of being lost because very few ethnic minority people use traditional clothing in their daily lives. In many places, children of ethnic minorities are unaware of their traditional clothing. Therefore, preserving and conserving traditional clothing is extremely necessary, especially in the current era of international integration. This article discusses the preservation and promotion of traditional costumes of ethnic minorities as part of tourism product development linked to local and regional tourism development*

**Keywords:** Ethnic identity; Cultural tourism; Experiential activities; Tourists.

OECD/FOS: 5.04.09; 5.09.03

UNESCO: 330401; 330402; 550504

JEL: Z32; Z10; O18

SDGs: 8; 11.4; 12; 17

AAT Getty: 300055863; 300209261

### 1. Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 53 dân tộc thiểu số (DTTS). Các DTTS cư trú trải dài từ Bắc đến Nam, thuộc nhiều dạng địa hình khác nhau. Trong suốt tiến trình lịch sử, các DTTS đã không ngừng thích ứng, sáng tạo ra những sản phẩm văn hóa vật chất cũng như tinh thần phù hợp môi trường, điều kiện sinh sống của mình, tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc màu, vừa có những điểm chung, vừa có những điểm riêng, thể hiện sự thống nhất trong đa dạng.

Trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam, trang phục truyền thống là một trong những thành tố quan trọng tạo nên giá trị văn hóa đặc thù, bền vững của mỗi tộc người, mỗi quốc gia. Trang phục truyền thống của các DTTS không chỉ mang chức năng bảo vệ và làm đẹp cho cơ thể con người, mà còn truyền tải những ký hiệu văn hóa, những thông điệp phong

phú về đời sống vật chất, tinh thần của mỗi tộc người. Những giá trị của trang phục truyền thống đã góp phần quan trọng để khẳng định bản sắc dân tộc, góp phần lan tỏa, quảng bá văn hóa Việt Nam và đã được bạn bè thế giới ghi nhận, trở thành một phần trong kho tàng văn hóa nhân loại. Bởi vậy, trang phục truyền thống rất cần được bảo tồn và phát huy cho phù hợp với môi trường, điều kiện thực tế của từng địa phương. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, sự du nhập của văn hóa ngoại lai với các y phục hiện đại đã lấn át các trang phục truyền thống.

### 2. Thực trạng sử dụng trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số

Trang phục là một trong những nhu cầu thiết yếu trong đời sống văn hóa của con người và là một trong những sáng tạo lớn của nhân loại. Mỗi dân tộc có những cách thức, quan niệm khác nhau để

tạo ra trang phục. Có thể nói, trang phục là một bức thông điệp của tộc người về quá trình lịch sử và giao lưu văn hóa. Ngoài ra, trang phục còn được coi như một dấu hiệu sau ngôn ngữ để phân biệt giữa dân tộc với dân tộc khác. Thông qua trang phục, chúng ta không chỉ nhận biết về quan hệ tộc người, mà còn giải mã được quá trình tộc người, các tri thức truyền thống địa phương, quan niệm của tộc người về thẩm mỹ, về nhân sinh quan và thế giới quan trong môi trường tự nhiên. Mặc dù vậy, hiện nay, số người DTTS sử dụng trang phục truyền thống của dân tộc mình trong sinh hoạt hàng ngày rất ít, đa số đồng bào đổi sang mặc trang phục phổ thông, chỉ trong các dịp lễ, tết, hội hè, đồng bào mới mặc trang phục truyền thống.

Trong nhà trường tại các vùng DTTS cũng vậy, đa số học sinh mặc trang phục của người Kinh, trang phục hiện đại khi đến trường. Một hiện tượng phổ biến là trang phục truyền thống nhưng được may bằng vải công nghiệp với nhiều chủng loại, hoa văn giống nhau, bày bán trên thị trường. Nhiều trang phục truyền thống bị biến đổi, pha tạp cả về chất liệu và kiểu dáng rất khó nhận diện đó là trang phục của dân tộc nào. Do có người đã nhìn nhận y phục xưa là lạc hậu, thiếu tiện dụng, giới trẻ ngại ngần, thậm chí người lớn tuổi ở một số nơi không mặc mà chọn mặc, ngay cả trong những dịp lễ hội cổ truyền. Phần lớn trang phục truyền thống của nhiều DTTS chỉ còn được lưu giữ trong các bảo tàng hoặc trung tâm văn hóa. Tại một số địa phương như Thái Nguyên, Nghệ An, Gia Lai... một số dân tộc ít người đã không lưu giữ được trang phục truyền thống của mình.

Căn cứ vào tư liệu khảo sát về thực trạng đời sống văn hóa của đồng bào Mông ở Tuyên Quang do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thực hiện đối với 564 hộ gia đình người Mông ở các thôn, bản trên địa bàn tỉnh cho thấy, chỉ có 21/564 hộ người Mông trả lời thường xuyên mặc trang phục truyền thống, chiếm 3,7%; 327/564 hộ trả lời thỉnh thoảng mới mặc, chiếm 57,9%; phần còn lại số hộ người Mông trả lời không mặc trang phục truyền thống. Nhìn ra các tỉnh trong khu vực, việc giữ gìn và phát huy bộ trang phục truyền thống cũng gặp những khó khăn tương tự.

Thực tế trên cho thấy, trang phục truyền thống của các DTTS đang dần bị mai một, thậm chí biến mất trong cộng đồng các DTTS ở Việt Nam. Nhiều dân tộc không còn giữ được bản sắc văn hóa của trang phục dân tộc mình, có sự lai tạp, biến dạng, mất mát với tốc độ đáng lo ngại, đặc biệt ở những dân tộc có dân số ít, hoặc sinh sống ở những khu vực gần đường quốc lộ, khu công nghiệp, khu vực gần thị xã, thị trấn nơi có nhiều sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc.

Như vậy, nếu không có biện pháp bảo tồn, trang

phục truyền thống sẽ bị mai một và mất đi kéo theo sự mất đi các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, giá trị tâm linh, bản sắc của các dân tộc. Chính vì vậy, việc bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống hiện nay là một vấn đề cấp bách đặt ra đối với các cơ quan, ban ngành văn hóa và những người làm công tác văn hóa.

### 3. Trang phục truyền thống - Nguồn lực của du lịch văn hóa

Văn hóa là yếu tố quan trọng đối với ngành du lịch, các giá trị văn hóa là nguồn lực để phát triển du lịch, đem lại những lợi ích thiết thực cho địa phương và quốc gia. Đất nước ta có nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, đặc biệt là văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc của 53 DTTS, đó chính là nguồn lực dồi dào để phát triển du lịch văn hóa, một loại hình du lịch rất được du khách ưa thích. Một trong những yếu tố cần được khai thác và phát huy là trang phục truyền thống của các DTTS nước ta.

#### 3.1. Khái niệm về du lịch văn hóa

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO): “Du lịch văn hóa bao gồm các hoạt động của con người với động cơ chủ yếu là tìm hiểu, khám phá về văn hóa như các chương trình tham quan nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật biểu diễn, các lễ hội và các sự kiện văn hóa khác, thăm các di tích và đền đài, du lịch để nghiên cứu thiên nhiên, văn hóa dân gian và các cuộc hành hương”.

Còn theo Hội đồng Di tích và Di chỉ Quốc tế (ICOMOS): “Du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà mục tiêu là khám phá những di tích và di chỉ. Nó mang lại những ảnh hưởng tích cực bằng việc đóng góp vào việc duy trì bảo tồn. Loại hình này trên thực tế đã minh chứng cho những nỗ lực bảo tồn và tôn tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và những lợi ích văn hóa - kinh tế - xã hội”.

Tại Việt Nam, du lịch văn hóa trong Luật Du lịch năm 2005 (Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005): “Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống”. Tiếp đó, du lịch văn hóa được nêu rõ hơn trong Luật Du lịch của Việt Nam năm 2017 (Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017): “Du lịch văn hóa là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác giá trị văn hóa góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tôn vinh giá trị văn hóa mới của nhân loại”.

Ngoài ra, quan điểm, khái niệm du lịch văn hóa cũng được nhiều học giả, nhà nghiên cứu Việt Nam đưa ra trong các bài viết, các công trình nghiên cứu. Nhà sử học Trần Quốc Vượng cho rằng: “Du lịch văn hóa là một loại hình chủ yếu hướng vào việc quy hoạch, lập trình, thiết kế các Tour lữ hành tham

quan các công trình văn hóa cổ kim (Lê Hồng Lý (Chủ biên), 2010). Với Nguyễn Văn Bốn “Du lịch văn hóa là hình thức du lịch phát triển dựa trên các giá trị văn hóa, đó là việc khai thác các giá trị của di sản văn hóa tạo thành các sản phẩm du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội và góp phần bảo tồn văn hóa (Nguyễn Văn Bốn, 2012). Trong cuốn Văn hóa Du lịch tác giả Dương Văn Sáu nêu: “Du lịch văn hóa ở Việt Nam là loại hình du lịch khai thác có chọn lọc những giá trị các thành tố của văn hóa Việt Nam thông qua các chương trình du lịch. Hoạt động này nhằm mục đích bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị văn hóa của dân tộc thông qua hoạt động du lịch; đem lại lợi ích nhiều mặt cho cả người kinh doanh, cộng đồng cư dân bản địa và các đối tượng du khách; tạo sự phát triển bền vững cho du lịch Việt Nam (Dương Văn Sáu, 2017). Tác giả Nguyễn Phạm Hùng cho rằng: “Du lịch văn hóa là hoạt động đa dạng của du khách rời khỏi nơi cư trú của mình trong một không gian và thời gian nhất định, nhằm thưởng thức, trải nghiệm, khám phá những điều mới lạ và khác biệt về văn hóa. Du lịch văn hóa là toàn bộ các dịch vụ du lịch do con người tạo ra, các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên văn hóa nhằm tạo ra sản phẩm du lịch mới lạ và khác biệt phục vụ nhu cầu thưởng, trải nghiệm, khám phá của du khách trong một không gian và thời gian nhất định (Nguyễn Phạm Hùng, 2017). Những khái niệm, quan điểm trên đều cho thấy, du lịch văn hóa không chỉ dựa vào văn hóa để phát triển, mà còn mang sứ mệnh tôn vinh văn hóa, góp phần quan trọng cho việc bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của con người.

### ***3.2. Trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số trong phát triển du lịch văn hóa ở Việt Nam thời gian qua***

Du lịch văn hóa còn được gọi là du lịch di sản văn hóa được hình thành dựa vào bản sắc văn hóa và những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình sinh sống của mình. Việt Nam là đất nước đa dân tộc, có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có nền văn hóa truyền thống lâu đời với nhiều lễ hội, phong tục tập quán tốt đẹp và độc đáo. Đó là những tiềm năng lớn về nhiều mặt để phát triển các loại hình du lịch, nhất là du lịch văn hóa.

Tìm hiểu thực tế về du lịch Việt Nam cho thấy, trong những năm qua, ngành này đã có những đổi mới và đang trên đà phát triển, số lượng khách nội địa và khách nước ngoài gia tăng rõ rệt. Trước khi đại dịch COVID - 19 bùng phát, trong giai đoạn 2015 - 2019, du lịch Việt Nam đã đạt doanh thu 20,7% năm; riêng năm 2019, nguồn thu từ du lịch đóng góp 9,2% vào GDP của cả nước. Nhiều điểm đến của du lịch là địa chỉ yêu thích của du khách quốc tế và du

lịch văn hóa là loại hình được khách du lịch quốc tế ưa thích thứ hai, sau nghỉ dưỡng và tắm biển. Liên tiếp trong ba năm 2019 - 2021, Việt Nam được tổ chức Giải thưởng Du lịch thế giới (WTA) bình chọn là “Điểm đến văn hóa hàng đầu châu Á”. Điều này cho thấy, di sản văn hóa Việt Nam luôn có sức hấp dẫn và thu hút khách quốc tế.

Các điểm du lịch văn hóa ở Việt Nam được xây dựng trên cơ sở khai thác các khu di sản văn hóa thế giới, các di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, các khu vực có lễ hội, các làng bản của DTTS, các làng nghề truyền thống. Qua quá trình vận hành cho thấy, những giá trị thu hút khách quốc tế nhất là các khu di sản văn hóa thế giới, các bản làng của DTTS, các di tích lịch sử, văn hóa, các điểm du lịch lễ hội và các làng nghề truyền thống. Còn các điểm du lịch lễ hội thường có giá trị thu hút khách nội địa.

Trên cơ sở nhu cầu, sở thích của du khách đối với loại hình du lịch văn hóa, đã có sự đầu tư của Nhà nước và một số tổ chức quốc tế thông qua ngành văn hóa, ngành du lịch cho các khu di sản thế giới, một số di tích cấp quốc gia có giá trị cao đối với du lịch. Tuy nhiên, đối với các bản làng của DTTS, các làng nghề truyền thống là những điểm cũng thu hút du khách quốc tế nhưng ít được đầu tư, với các lễ hội lại càng ít hơn. Trang phục truyền thống các DTTS cũng chưa được quan tâm, khai thác thế mạnh vốn có của nó. Vì thế, các điểm du lịch văn hóa tại các bản làng chưa thực sự hấp dẫn, chưa đem lại ấn tượng và cái nhìn rõ nét về giá trị văn hóa bản địa.

Ở một số khu vực có nhiều DTTS sinh sống, trang phục truyền thống được khai thác như một sản phẩm du lịch hấp dẫn đối với du khách, nhưng chỉ mới quan tâm đến việc bán sản phẩm đó cho khách với phong cách thiếu chuyên nghiệp, chưa quan tâm đến việc thu hút khách bằng các hình thức giới thiệu, giao lưu, tương tác với các chủ thể văn hóa để khám phá ra những giá trị ẩn chứa trong trang phục từ chính những sinh hoạt cộng đồng gắn với trang phục truyền thống hay các hoạt động tạo ra sản phẩm.

Việc khai thác trang phục cho hoạt động trải nghiệm cùng các tài nguyên khác của các vùng DTTS chưa đồng bộ, sản phẩm cung cấp cho khách còn nhỏ lẻ đơn điệu, chưa khai thác và làm nổi bật giá trị, bản sắc riêng của các điểm du lịch văn hóa.

Một số điểm du lịch bản làng, trang phục truyền thống của đồng bào thiểu số với các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc đã thu hút được sự quan tâm, hấp dẫn đối với du khách song thiếu định hướng phát triển lâu dài nên nảy sinh tình trạng “đồng hóa” văn hóa. Điều này khiến cho nhiều bản làng dần mất đi giá trị du lịch và chính các chủ thể văn hóa cũng đứng trước nguy cơ mất cả nguồn thu nhập chính cho cuộc sống.

Mặt khác, việc khai thác trang phục truyền thống

như một sản phẩm thủ công nhưng không có quy hoạch, định hướng rõ ràng cũng gây ra những tác động tiêu cực. Nếu khai thác không có định hướng, trang phục truyền thống sẽ bị thương mại hóa, biến tướng một cách quá mức, làm suy giảm giá trị văn hóa và truyền thống, phai nhạt bản sắc. Nhiều nét văn hóa truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán địa phương bị phá vỡ, biến đổi; xuất hiện sự đồng hóa văn hóa ngoại lai, những mâu thuẫn về chia sẻ lợi ích.

Việc biến tướng của trang phục, các sản phẩm đồ vải thủ công như túi, ví, mũ, áo, chăn và vỏ gối... bằng các chất liệu rẻ tiền, cắt bỏ quy trình tạo tác để làm ra các sản phẩm truyền thống bán cho khách du lịch nhưng không đảm bảo chất lượng, làm mất lòng tin của du khách dẫn đến việc suy tàn điểm du lịch văn hóa đó. Cùng với đó, nhiều phụ nữ trước đây sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp đã bỏ trồng trọt, việc nhà để trở thành những người buôn bán, nguồn thu chỉ dựa vào du lịch nên rất bấp bênh; xuất hiện tình trạng trẻ em bỏ học đi bán hàng rong, người dân chối bỏ văn hóa truyền thống, đi theo các tôn giáo mới được du nhập bởi các du khách.

Lễ hội truyền thống của các địa phương là nơi đồng bào mặc trang phục truyền thống và là điểm độc đáo thu hút du khách trong và ngoài nước đã bị thu hẹp, kéo theo cơ hội mặc trang phục truyền thống cũng ít hơn. Một số lễ hội được khôi phục lại nhưng không giữ được những đặc trưng về phân lễ, phân hội bị biến tướng quá nhiều bởi tham gia chủ yếu là giới trẻ với những trang phục hiện đại đã tạo cho du khách cái nhìn sai lệch về giá trị văn hóa tinh thần của các lễ hội đó.

### **4. Bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số thông qua phát triển du lịch văn hóa ở Việt Nam**

Có thể nói, du lịch văn hóa hiện đang là một trong những phương thức hữu hiệu nhất để bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, đồng thời góp phần cải thiện và nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa cho các cộng đồng địa phương. Do đó, để bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống các DTTS cần tăng cường phát triển sản phẩm du lịch văn hóa ngay tại các địa phương, vùng miền nơi đồng bào sinh sống.

#### **4.1. Định hướng khai thác và gắn kết**

Từ tình hình thực tế của trang phục truyền thống các DTTS, trên cơ sở lý thuyết và căn cứ vào thực tiễn phát triển du lịch văn hóa của Việt Nam thời gian qua, tác giả đưa ra một số định hướng trong khai thác và gắn kết để phát triển du lịch tại các địa phương nhằm đạt mục đích kép, vừa bảo tồn, phát huy, vừa phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

*Xác định nguồn tài nguyên và định hướng khai thác*

Phát triển du lịch văn hóa để bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các DTTS thuộc loại hình du lịch văn hóa trải nghiệm. Để thực hiện việc này hiệu quả đòi hỏi các cơ quan chức năng và địa phương xây dựng, quy hoạch các điểm du lịch. Cần phải có cơ chế, định hướng và điều phối sự phát triển du lịch một cách đồng bộ, tránh tình trạng phát triển tràn lan, không đảm bảo chất lượng. Do đó, những làng bản, địa phương, khu vực nơi phát triển du lịch văn hóa phải được đánh giá hiện trạng, xác định rõ những giá trị đặc trưng của trang phục truyền thống, hình thức khai thác trên cơ sở bảo tồn và phát huy theo hướng phát triển bền vững. Cùng với đó, xác định các nguồn tài nguyên khác tại địa phương có thể kết hợp cùng với trang phục để phục vụ cho hoạt động du lịch văn hóa như nghề thủ công, phong tục tập quán, lễ hội...

*Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù về trang phục*

Cần tập trung khai thác các giá trị, yếu tố đặc trưng của trang phục để tạo ra các sản phẩm du lịch, những hoạt động trải nghiệm cho nhiều đối tượng du khách khác nhau như cho người lớn, trẻ em, khách nội địa, khách châu Á, khách châu Âu... Mỗi sản phẩm du lịch mang sắc thái riêng, song phải truyền tải được hồn cốt của trang phục truyền thống đó, qua đó nâng cao giá trị, gia tăng sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch thuộc loại hình lưu niệm về kiểu dáng, hoa văn, chức năng sử dụng nhưng phải đảm bảo tính chân thực, khách quan, tuyệt đối không làm giả, làm nhái.

*Chú trọng phát triển du lịch cộng đồng*

Du lịch cộng đồng với nguồn lực chính là sự tham gia của đồng bào thiểu số sẽ tăng cường khả năng tự quản, phát huy các giá trị truyền thống của trang phục một cách tích cực, chủ động bởi họ chính là những chủ thể văn hóa của các bộ trang phục truyền thống. Chú trọng phát triển du lịch cộng đồng sẽ tạo cho đồng bào địa phương có được phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch, điều này giúp họ nâng cao ý thức, trách nhiệm để duy trì, sử dụng trang phục truyền thống của mình một cách bền vững; nâng cao chất lượng phục vụ; đem lại cho du khách những hoạt động trải nghiệm văn hóa đa chiều, thú vị, hấp dẫn.

*Phát huy nghệ thuật, giá trị hoa văn trang trí trên trang phục*

Hoa văn trang trí trên trang phục truyền thống luôn ẩn chứa những giá trị văn hóa sâu sắc, phản ánh môi trường sinh sống, nhân sinh quan, thế giới quan của dân tộc đó. Khuyến khích đồng bào khai thác, phát huy các kỹ thuật, hình thức trang trí trên trang phục cũng như đồ vải truyền thống có giá trị cao, bao gồm cả đồ trang sức bằng bạc để thiết kế, tạo

ra những sản phẩm lưu niệm mới với đặc trưng văn hóa tộc người và phù hợp với thị hiếu của du khách như ba lô, túi xách, mũ, khăn quàng, kẹp sách, búp bê dân tộc... Trong đó, các sản phẩm đặc trưng của địa phương phải được sản xuất theo hướng “hàng hóa cho du lịch” với tính chuyên nghiệp cao nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách du lịch; nâng cao tay nghề và đem lại nguồn thu cho đồng bào.

*Đào tạo, tập huấn về trang phục truyền thống và du lịch*

Củng cố và nâng cao năng lực cho người dân làm du lịch những kiến thức về trang phục truyền thống và du lịch văn hóa qua các lớp đào tạo, tập huấn tại địa phương. Nội dung đào tạo và tập huấn cần ngắn gọn, sát với thực tế và có những ví dụ cụ thể. Chú trọng tới thảo luận và làm việc theo nhóm, đưa ra các tình huống giả định trong giao tiếp, ứng xử với khách để có những giải pháp phù hợp, hiệu quả. Tăng cường thực hành các hình thức trình diễn, giới thiệu một số công đoạn làm trang phục; các hình thức giao lưu tương tác với du khách; các kỹ năng hướng dẫn hoạt động trải nghiệm. Mời các chuyên gia trang phục và nghệ thủ công truyền thống chia sẻ, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thiết kế các sản phẩm lưu niệm đồ vải tiện dụng, hữu ích và mang đậm bản sắc dân tộc.

*Tăng cường liên kết và đẩy mạnh quảng bá sản phẩm du lịch*

Các Tour du lịch văn hóa cần được tăng cường liên kết với các loại hình du lịch khác như du lịch tham quan nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và vui chơi giải trí để tạo thành Tour du lịch tổng hợp. Các Tour này thường có giá trị hấp dẫn khách rất cao, các hoạt động trong Tour phong phú, hành trình linh hoạt và đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách. Không những thế, các Tour du lịch này còn giúp khai thác được tài nguyên, mở rộng việc giới thiệu hình ảnh đất nước, kéo dài thời gian lưu trú của khách và tăng thu nhập du lịch.

Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá về các Tour du lịch văn hóa trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thiết lập những kênh thông tin, chuyên mục riêng để cung cấp thông tin, hình ảnh cũng như tiếp nhận phản hồi của công chúng về du lịch văn hóa của địa phương. Thường xuyên cập nhật, đưa tin giới thiệu các hoạt động trải nghiệm về trang phục truyền thống kết hợp với những hoạt động liên quan đến các hoạt động du lịch văn hóa khác nhau như tham quan các di tích lịch sử văn hóa, tham dự các lễ hội.

#### **4.2. Trang phục truyền thống - Sản phẩm du lịch văn hóa vùng**

Vùng văn hóa để chỉ một không gian có những tương đồng về hoàn cảnh tự nhiên, cư dân sinh sống. Xác định đặc trưng trang phục của các vùng văn hóa

để tạo ra các sản phẩm du lịch trên cơ sở ấy đưa ra chiến lược bảo tồn, phát huy phù hợp cho từng vùng sẽ là điều kiện tốt, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Dưới đây là một số gợi ý cho mô hình sản phẩm du lịch văn hóa gắn với trang phục truyền thống của các DTTS tại một số vùng.

*Sản phẩm du lịch vùng văn hóa Việt Bắc (Vùng văn hóa Đông Bắc)*

Địa bàn văn hóa vùng Việt Bắc bao gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang và Tuyên Quang (Các tỉnh trước ngày 01/7/2025). Nói đến văn hóa vùng Việt Bắc người ta thường nghĩ đến những nét độc đáo riêng trong trang phục của các DTTS sinh sống tại đây như Tày, Nùng, Dao, Lô Lô, Pu Páo, Pà Thẻn... Những bộ trang phục truyền thống của dân tộc Tày, Nùng với gam màu trầm và giản dị, được làm từ vải bông nhuộm chàm; trang phục của các dân tộc Lô Lô, Dao, Pà Thẻn, Pu Páo lại rực rỡ với những sắc màu đỏ, vàng, xanh. Ở mỗi dân tộc lại có những nhóm địa phương với các hình thức tạo tác, trang trí trang phục khác nhau vì thế sản phẩm du lịch cho mỗi địa phương rất phong phú, đa dạng.

Về cơ bản, sản phẩm du lịch sẽ dựa vào đặc trưng của quy trình tạo tác, kỹ thuật trang trí, ý nghĩa hoa văn, hình thức sử dụng trang phục truyền thống của mỗi dân tộc tại địa phương để xây dựng các sản phẩm du lịch cho du khách như:

- Trình diễn, giới thiệu các bước cơ bản của kỹ thuật nhuộm chàm với trang phục của người Tày, Nùng; kỹ thuật thêu với trang phục của người Dao Đỏ; kỹ thuật in hoa văn bằng sáp ong với trang phục của người Dao Tiền; kỹ thuật ghép vải với trang phục của người Lô Lô...

- Hướng dẫn du khách thực hành, trải nghiệm (chuẩn bị sẵn một số nguyên liệu và đồ vải gần hoàn thiện): nhuộm chàm; thêu hoàn thiện họa tiết hoa văn mà mình thích theo kỹ thuật của người Dao Đỏ; in hoa văn bằng sáp ong hình tiền xu của người Dao Tiền...

- Tổ chức biểu diễn văn nghệ dân gian trong trang phục truyền thống của dân tộc: người Tày (hát then, chơi đàn tính), người Nùng (hát sli, hát lượn)...

- Thiết kế hoặc hoàn thiện sản phẩm đồ vải với mẫu hoa văn truyền thống của DTTS tại địa phương như sao tám cánh của người Tày, con rùa, cá vía của người Thái...

- Mặc thử trang phục hoặc thử đội khăn truyền thống của dân tộc mà du khách quan tâm, thích thú.

- Nhận biết tên gọi của trang phục truyền thống và tìm hiểu nghĩa hoa văn trên trang phục bằng ngôn ngữ địa phương.

*Sản phẩm du lịch vùng văn hóa Tây Bắc*

Địa bàn văn hóa vùng Tây Bắc mở rộng bao gồm 8 tỉnh: Phú Thọ, Điện Biên, Hà Giang, Hòa Bình, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Yên Bái (Các tỉnh trước ngày 01/7/2025). Đây là nơi tụ cư sinh sống của gần 30 DTTS, với sắc thái văn hóa phong phú, đa dạng nhất là trong cách ăn mặc.

Trang phục truyền thống của các dân tộc ở vùng Tây Bắc thường được dệt từ sợi bông, chỉ riêng dân tộc Mông được tạo từ sợi lanh. Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc được thể hiện rõ nét qua những đặc trưng của trang phục truyền thống như: nữ giới người Mường với chiếc váy ống dài từ ngực đến mắt cá chân, cặp váy cao được trang trí hoa văn cầu kỳ; nữ giới Thái với khăn Piêu đội đầu được trang trí tỷ mỉ, khéo léo ở hai đầu khăn; trang phục nữ giới Mông Hoa nổi bật với chiếc váy xếp nếp, xòe rộng lưng linh sắc màu bởi các hoa văn trang trí bằng kỹ thuật thêu, ghép vải, in hoa văn sáp ong; bộ váy áo của nữ giới Phù Lá nhóm Xá Phó với hoa văn hình tam giác, cây thông, sóng nước, phần trước áo có đính hạt cườm, vỏ ốc núi; chiếc áo ngắn mặc ngoài của phụ nữ La Hủ hai bên những đường chỉ thêu nẹp ngực có đính tiền xu trang trí... Từ những đặc trưng trên sản phẩm cho du khách có thể là:

- Trình diễn, giới thiệu kỹ thuật cán bông, se sợi, nhuộm sợi Ikat của người Thái, người Mường; tước, giã sợi lanh của người Mông; kỹ thuật in hoa văn bằng sáp ong của người Mông; kỹ thuật thêu tạo thành mảng khối của người Phù Lá; đính xu nhôm hạt cườm của Hà Nhì, La Hủ; nghệ thuật trang trí trên khăn piêu của người Thái...

- Hoạt động thực hành và trải nghiệm: cán bông, se sợi bông, nhuộm vải Ikat của người Thái; tước, giã, se sợi lanh, in hoa văn sáp ong của người Mông; đáp - ghép vải của người Hà Nhì, thêu, đính hạt cườm để tạo hoa văn của người Phù Lá nhóm Xá Phó...

- Thiết kế sản phẩm với hoa văn truyền thống trên khăn Piêu của người Thái; hoa văn hình rồng, nhện, bướm của người Mường; hoa văn hình tam giác, cây thông, văn sóng nước của Phù Lá; chiếc áo ngắn mặc ngoài của phụ nữ La Hủ hai bên nẹp ngực có các đường chỉ thêu và đính tiền xu trang trí...

- Tổ chức biểu diễn văn nghệ dân gian trong trang phục truyền thống của dân tộc: nam giới người Mông (thời khèn, múa khèn), người Thái (múa xòe, nhảy sạp)...

- Mặc thử trang phục của người Mông, người Hà Nhì hoặc thử đội khăn Piêu của người Thái; cách đội khăn của thiếu nữ Si La (khăn trắng); phụ nữ Sila (khăn đen, quần thành sừng)...

- Nhận biết trang phục truyền thống qua tên gọi và ý nghĩa hoa văn trên đồ vải của các dân tộc trong vùng bằng ngôn ngữ địa phương.

### *Sản phẩm du lịch vùng văn hóa Trung bộ*

Văn hóa vùng Trung bộ bao gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận (Các tỉnh trước ngày 01/7/2025). Người Chăm nơi đây có hai nhóm Chăm đó là Chăm Balamôn giáo và Chăm Bàni giáo, theo đó trang phục cũng có sự khác biệt. Phụ nữ Chăm Balamôn mặc váy gấu phủ ngang bắp chân, áo dài bít tà, đầu chít khăn siêu màu vàng, đỏ hay xanh, còn phụ nữ Chăm Bàni thì mặc váy dài chấm gót, áo dài bít tà, đội khăn dĩa màu trắng có thêu hoa. Trang phục thường ngày của nam giới Chăm cũng rất độc đáo gồm xà rồng và áo ngắn, cổ tròn, chum đến hết hông, xẻ tà ở hai bên sườn khoảng gang tay, phía trước có đường xẻ và đính khuy, vạt trước có 2 túi áo. Xà rồng là một tấm khổ vải rộng, có dùng một thắt lưng dệt bằng chỉ màu buộc lại và thả chùng xuống phía trước. Đàn ông lớn tuổi thường quấn khăn màu trắng có tua rua và đường viền trang trí ở hai đầu khăn. Khăn đội theo lối chữ nhân, hai đầu thả ra hai mang tai.

Tất cả những yếu tố trên cùng với nghề dệt truyền thống đều cần được khai thác để tạo ra những hoạt động sinh động, hấp dẫn cho du khách về trang phục truyền thống của người Chăm như:

- Trình diễn, giới thiệu quy trình dệt vải từ sợi bông; kỹ thuật tạo màu và nhuộm sợi trước khi dệt bằng các nguyên liệu từ khoáng vật, thực vật ở địa phương để tạo ra sản phẩm với màu sắc tự nhiên và độc đáo.

- Thực hành và trải nghiệm những bước chính trong quy trình dệt như: mắc sợi, tạo hoa văn khi dệt; làm tua trên khăn của nam giới...

- Mặc thử trang phục truyền thống của nam giới và chơi nhạc cụ của người Chăm trong lễ hội Kate; mặc trang phục của nữ giới Chăm và thực hành khi đi lấy nước, đội nước trên đầu...

### *Sản phẩm du lịch vùng văn hóa Tây Nguyên*

Vùng văn hóa vùng Tây Nguyên gồm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk, Lâm Đồng (Các tỉnh trước ngày 01/7/2025) là địa bàn sinh sống của hơn 20 tộc người, chủ yếu thuộc hai nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer Trường Sơn Tây Nguyên và Nam Đảo. Quy trình tạo ra trang phục các dân tộc Tây Nguyên có nhiều nét tương đồng nhau từ khâu chế biến nguyên liệu, phương thức làm ra vải mặc từ sợi bông; các loại y phục, trang sức, màu sắc và đường nét hoa văn màu đen hoặc xanh chàm. Các DTTS ở Tây Nguyên nam cũng như nữ sử dụng phổ biến các y phục kiểu choàng quần, áo chui đầu. Nữ giới mặc áo cánh ngắn, quần váy. Nam giới đóng khố và mặc áo chui đầu, không có viền cổ.

Tuy nhiên, ở mỗi dân tộc vẫn có và bảo lưu

những sắc thái riêng và đó cũng là những yếu tố quan trọng để đưa ra hoạt động trình diễn, giới thiệu để du khách hiểu về vùng văn hóa này như: áo của phụ nữ Ê đê thường có trang trí dải hoa văn ở đường bờ vai, nách bả vai, gấu áo và cổ tay; áo của nam giới Ê đê cổ tròn, xẻ ngực khoảng 10cm cài cúc, hai bên phần xẻ đính các dải sợi màu đỏ chạy ngang, mô phỏng hình đại bàng xòe cánh; trang phục nam, nữ Gia rai với những hoa văn sóng nước, sao 4 cánh, hình cây, hình người đã được cách điệu; trang phục nữ Hrê là 2 màu đỏ và đen, hoa văn theo mô típ hình học như hình thoi, quả trám, chữ nhật, hình vuông, đường thẳng, lượn sóng...

- Trình diễn, giới thiệu về kỹ thuật dệt vải đặc thù, công cụ dệt chỉ có một go để luồn sợi dọc và đập sợi ngang; kỹ thuật dệt và tạo hoa văn trên vải của người Tà Ôi bằng dệt kèm hạt cườm với những đồ án hoa văn khỏe khoắn, sinh động...

- Thực hành, trải nghiệm dệt vải; cách tạo màu nhuộm từ nguyên liệu tự nhiên; nhuộm sợi và khâu hạt cườm để làm vòng cổ, vòng tay...

- Tìm hiểu ý nghĩa hoa văn của một số dân tộc để tự thiết kế sản phẩm đồ vải như đánh dấu sách, túi nhỏ, khăn quàng... với các mô típ hoa văn giàu ý nghĩa trên trang phục như hình đôi chim trên vạt áo của phụ nữ Bru Vân Kiều từ sợi dệt màu vàng, đỏ, trắng, cam, thể hiện ý nghĩa cầu mong những đôi chim đó sẽ mang đến cho họ hạnh phúc, may mắn, no đủ; hoa văn sao Bắc Đẩu trên khố của nam giới Tà Ôi là biểu tượng của sức mạnh đoàn kết và nguồn sinh lực dồi dào...

- Diễn tấu công chiêng, múa xoang trong trang phục truyền thống của dân tộc tại địa phương (Xơ đăng, Cơ tu, Xtiêng...).

- Nhận diện các dân tộc qua hoa văn trang trí trên trang phục

- Thực hành kỹ thuật quấn váy cho nữ giới, đóng khố cho nam giới theo cách của nữ giới và nam giới dân tộc Ba na, Ê đê, Gia rai, Tà Ôi...

#### *Sản phẩm du lịch vùng Văn hóa Nam bộ*

Địa bàn vùng văn hóa vùng Nam Bộ hình thành trên vùng châu thổ của hai hệ thống sông chính là sông Cửu Long ở phía tây và sông Đồng Nai ở phía đông. Đây là vùng đất có các DTTS Chăm, Hoa, Khmer sinh sống. Điều kiện tự nhiên, môi trường của Nam Bộ đã tạo cho vùng đất này những sắc thái văn hóa tiêu biểu, những “tính cách” riêng của mình.

Cũng như các vùng văn hóa khác, chúng ta cần đưa ra các sản phẩm du lịch dựa trên đặc trưng của trang phục truyền thống của người Chăm, Hoa, Khmer, dưới đây là một vài gợi ý:

- Biểu diễn văn nghệ dân gian trong trang phục truyền thống của dân tộc: người Chăm (thổi kèn saranaï, đánh trống ghi nãng, trống paranung), người Khmer (chơi dàn nhạc Pinpet; múa Rô băm)...

- Trình diễn, giới thiệu về nghề dệt xà rồng, khăn chòang của người Chăm; trình diễn, giới thiệu dệt khăn rằn và cách tạo và nhuộm màu của người Khmer,

- Thực hành, trải nghiệm quy trình cơ bản để tạo ra các sản phẩm lưu niệm của người Chăm; nhuộm sợi của người Khmer...

- Thử trang phục Hồi giáo của người Chăm; trang phục bà ba đen, khăn rằn của nữ giới Khmer; quần xà rồng của nam giới Khmer; thử trang phục trong ngày thường và lễ tết của người Hoa...

Trên đây mới chỉ là một vài gợi ý về sản phẩm cho du lịch văn hóa trải nghiệm ở các vùng DTTS, để thực hiện hiệu quả cần có sự kiểm chứng và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi địa phương, mỗi vùng.

#### **5. Lời kết**

Trong xu thế hội nhập toàn cầu hiện nay, bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống không chỉ làm nên sức mạnh của dân tộc, mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào sự ổn định, tăng trưởng bền vững của mỗi quốc gia. Để bảo tồn và phát huy hữu hiệu các giá trị của trang phục truyền thống các DTTS ở Việt Nam, cần gắn với phát triển du lịch văn hóa - hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Thông qua du lịch văn hóa không chỉ đem lại lợi ích kinh tế như một hoạt động kinh doanh, mà còn tôn vinh, bảo tồn trang phục truyền thống các DTTS, góp phần giáo dục nâng cao nhận thức về bản sắc dân tộc. Phát triển du lịch văn hóa tại vùng DTTS không chỉ đơn thuần thu được những lợi ích kinh tế như một hoạt động kinh doanh, mà còn nhằm những mục tiêu cao cả như góp phần phát triển xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống của cha ông một cách bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Aikawa-Faure, N. (2009). From the Proclamation of Masterpieces to the Convention for the Safeguarding of Intangible Cultural Heritage. *Museum International*, 56(1–2), 137–149. DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1350-0775.2004.00450.x>
- Ashley, C., & Roe, D. (2002). Making Tourism Work for the Poor: Strategies and Challenges in Southern Africa. *Development Southern Africa*, 19(1), 61–82. DOI: <https://doi.org/10.1080/03768350220123827>
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2022). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số giai đoạn 2011–2020*. Hà Nội. URL: <https://bvhttdl.gov.vn>
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. (2019). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong đồng bào dân tộc thiểu số*. Hà Nội. URL: <https://vicas.org.vn>
- Cominelli, F., & Greffe, X. (2012). Intangible Cultural Heritage: Safeguarding for Creativity. *City, Culture and Society*, 3(4), 245–250. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.ccs.2012.10.003>
- Diệp, Trung Bình. (2005). *Hoa văn trên vải dân tộc Hmông*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- Dương, Văn Sáu. (2017). *Văn hóa du lịch*. Nxb Lao động, Hà Nội.
- Đặng, Thị Quế. (2021). Giữ gìn và phát huy giá trị của trang phục truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tuyên Quang. URL: <https://bvhttdl.gov.vn/giu-gin-va-phat-huy-gia-tri-cua-trang-phuc-truyen-thong-cua-cong-dong-cac-dan-toc-thieu-so-o-tuyen-quang-20210921101537265.htm>
- Giordano, C. (2018). Cultural Heritage, Tourism and Globalisation. *International Journal of Heritage Studies*, 24(2), 101–104. DOI: <https://doi.org/10.1080/13527258.2017.1378903>
- Henderson, J.C. (2003). Ethnic Heritage as a Tourist Attraction: The Peranakans of Singapore. *International Journal of Heritage Studies*, 9(1), 27–44. DOI: <https://doi.org/10.1080/1352725022000056617>
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. (2023). *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay*. URL: <https://www.hcma.vn>
- Lê Hồng Lý (Chủ biên). (2010). *Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- McKercher, B., & du Cros, H. (2002). *Cultural Tourism: The Partnership Between Tourism and Cultural Heritage Management*. Routledge. DOI: <https://doi.org/10.4324/9780203497852>
- Ngô Đức Thịnh. (2000). *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*. Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Nguyễn Phạm Hùng. (2017). *Văn hóa du lịch*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Song Hà. (2023). Biến đổi trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và công tác bảo tồn, phát huy trong đời sống hiện nay. URL: [https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/928785/bien-doi-trang-phuc-truyen-thong-cac-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-va-cong-tac-bao-ton-2C-phat-huy-trong-doi-song-hien-nay.aspx](https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/928785/bien-doi-trang-phuc-truyen-thong-cac-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-va-cong-tac-bao-ton-2C-phat-huy-trong-doi-song-hien-nay.aspx)
- Nguyễn Văn Bồn. (2012). Văn hóa du lịch Việt Nam. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 335.
- Richards, G. (2018). Cultural Tourism: A Review of Recent Research and Trends. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 36, 12–21. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jhtm.2018.03.005>
- Su, X. (2011). Commodification and the Selling of Ethnic Music to Tourists. *Geoforum*, 42(4), 496–505. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.geoforum.2011.03.003>
- Timothy, D.J. (2011). *Cultural Heritage and Tourism: An Introduction*. Channel View Publications. URL: <https://www.channelviewpublications.com/display.asp?K=9781845411756>
- Trần Hữu Sơn. (2021). Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số. URL: <https://bvhttdl.gov.vn/bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-trong-phat-trien-du-lich-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-20210821140908454.htm>
- UNESCO. (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*. Paris. URL: <https://ich.unesco.org/en/convention>
- UNESCO. (2022). *Culture and Sustainable Development*. URL: <https://www.unesco.org/en/culture-and-development>
- Võ Quang Trọng. (2016). Cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa từ thực tiễn của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. *Tạp chí*

*Bảo tàng và Nhân học*, 4(16), 3–9.  
 World Tourism Organization (UNWTO). (2018).  
 Tourism and Culture Synergies. Madrid. DOI:  
<https://doi.org/10.18111/9789284418978>  
 Yamamura, T., & Kato, K. (2016). *Cultural Tourism  
 and Community Development*. Routledge. DOI:  
<https://doi.org/10.4324/9781315616230>

Zhou, Y., Maumbe, K., Deng, J., & Selin, S.W. (2015).  
 Resource-Based Destination Competitiveness  
 Evaluation Using a Hybrid Analytic Hierarchy  
 Process. *Tourism Management Perspectives*,  
 13, 87–97. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.tmp.2014.11.001>

## BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY TRANG PHỤC CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

**Vũ Hồng Nhi**

Phòng Nghiên cứu Suru tâm – Phim Dân tộc học  
 Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam  
 Email: hongnhivhdg@gmail.com  
 ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-9561-6868>

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 15/02/2026  
 Ngày phản biện: 07/4/2026  
 Ngày tác giả sửa: 12/5/2026  
 Ngày duyệt đăng: 10/6/2026  
 Ngày phát hành: 30/6/2026

**DOI:** <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a107>

### Tóm tắt:

*Văn hóa luôn là thương hiệu, hình ảnh của mỗi quốc gia. Việt Nam có nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc được cấu thành từ văn hóa của 53 dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng, biểu hiện ở mọi khía cạnh trong đời sống vật chất và tinh thần, trong đó trang phục truyền thống là di sản văn hóa được sáng tạo từ nhiều đời, là thông điệp của quá khứ để lại cho ngày nay. Trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam, mà đã trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, loại hình di sản văn hóa này đang bị mai một và đứng trước nguy cơ bị mất đi bởi có rất ít người dân tộc thiểu số sử dụng trang phục truyền thống trong đời sống sinh hoạt của mình. Ở nhiều nơi, con em của dân tộc thiểu số không biết đến trang phục truyền thống. Do vậy, việc gìn giữ và bảo tồn trang phục truyền thống là vô cùng cần thiết, nhất là trong thời kỳ hội nhập quốc tế như hiện nay. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến hình thức bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số theo định hướng sản phẩm du lịch gắn với phát triển du lịch theo địa phương, khu vực.*

**Từ khóa:** Bản sắc dân tộc; Du lịch văn hóa; Hoạt động trải nghiệm; Du khách.

**OECD/FOS:** 5.04.09; 5.09.03

**UNESCO:** 330401; 330402; 550504

**JEL:** Z32; Z10; O18

**SDGs:** 8; 11.4; 12; 17

**AAT Getty:** 300055863; 300209261